

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 36/2012/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 25 tháng 10 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Nuôi con nuôi ngày 17/6/2010;

Căn cứ Pháp lệnh phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01/11/2007 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường chấn chỉnh việc thực hiện các quy định của pháp luật về phí, lệ phí, chính sách huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2012/NQ-HĐND ngày 05/10/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 115/TTr-STP ngày 10/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, như sau:

1. Đối tượng nộp lệ phí: Những người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết các việc về hộ tịch theo quy định của pháp luật về đăng ký hộ tịch.

2. Các việc hộ tịch được miễn nộp lệ phí:

a) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh đúng hạn, đăng ký khai sinh quá hạn, đăng ký lại việc sinh);

b) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn, đăng ký lại việc kết hôn);

c) Miễn toàn bộ lệ phí đăng ký khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử đúng hạn, đăng ký khai tử quá hạn, đăng ký lại việc khai tử);

d) Miễn lệ phí đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung, điều chỉnh hộ tịch.

3. Đối với việc đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài theo Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10/7/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Nghị định số 69/2006/NĐ-CP ngày 21/7/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 68/2002/NĐ-CP và các hoạt động nhận cha, mẹ, con, cấp bản sao các giấy tờ về hộ tịch, ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài, xác nhận hoặc thực hiện các việc đăng ký hộ tịch khác vẫn thực hiện thu lệ phí theo quy định hiện hành.

4. Lệ phí đăng ký nuôi con nuôi được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

5. Cơ quan thu lệ phí:

- a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;
- b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;
- c) Sở Tư pháp.

6. Mức thu lệ phí:

a) Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn: theo mức quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: theo mức quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

c) Sở Tư pháp: theo mức quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Mức thu lệ phí nêu trên đã bao gồm toàn bộ các chi phí mua sổ đăng ký hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch và các hồ sơ liên quan đến công tác quản lý hộ tịch.

Điều 2. Quản lý và sử dụng lệ phí

1. Số tiền thu lệ phí để lại cho cơ quan thu lệ phí:

a) UBND xã, phường, thị trấn được để lại 100% tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí.

b) UBND các huyện, thành phố được để lại 70% tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí, số tiền lệ phí còn lại (30%) nộp vào ngân sách nhà nước.

c) Sở Tư pháp được để lại 70% tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí, số tiền lệ phí còn lại (30%) nộp vào ngân sách nhà nước.

Số tiền lệ phí được để lại trong năm, sau khi quyết toán đúng chế độ, nếu sử dụng không hết được chuyển sang năm sau để tiếp tục chi theo chế độ quy định.

2. Cơ quan thu lệ phí phải thực hiện việc thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí đăng ký hộ tịch theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tư pháp, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Quảng Ngãi; Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Khoa

PHỤ LỤC I**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG
TẠI UBND XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ngày 25/10 /2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu cho mỗi trường hợp
01	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	10.000
02	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	2.000/01 bản sao
03	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	3.000
04	Ghi vào sổ các thay đổi hộ tịch khác; gồm: xác định cha, mẹ, con; thay đổi quốc tịch; ly hôn; huỷ việc kết hôn trái pháp luật; và những sự kiện hộ tịch khác do pháp luật quy định.	4.000

PHỤ LỤC II**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG
TẠI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ngày 25/10/2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu cho mỗi trường hợp
01	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	10.000
02	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	3.000/01 bản sao
03	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	25.000
04	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	4.000

PHỤ LỤC III**MỨC THU LỆ PHÍ ĐĂNG KÝ HỘ TỊCH ÁP DỤNG TẠI SỞ TƯ PHÁP**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 36/2012/QĐ-UBND ngày 25/10/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu cho mỗi trường hợp
01	Đăng ký kết hôn	1.000.000
02	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	1.000.000
03	Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch	5.000/01 bản sao
04	Cấp lại bản chính giấy khai sinh	10.000
05	Đăng ký việc thay đổi, cải chính hộ tịch cho người từ đủ 14 tuổi trở lên, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính	25.000
06	Ghi vào sổ hộ tịch các việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	50.000
07	Xác nhận các giấy tờ hộ tịch	10.000
08	Ghi vào sổ hộ tịch việc ly hôn đã tiến hành ở nước ngoài	50.000